

# ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA MÔ HÌNH CANH TÁC CẢI BỆ DÚN TRONG VÀ NGOÀI NHÀ LƯỚI TẠI HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Dương Ngọc Thành<sup>1\*</sup> và Đinh Phú Khải<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Học viên cao học, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: dnthanh@ctu.edu.vn

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 01/9/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 10/10/2022; Ngày duyệt đăng: 21/02/2023

## Tóm tắt

Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn thị trấn Tân Quới và 3 xã Thạnh Lợi, Tân Bình và Tân An Thạnh. Đây là địa bàn có diện tích trồng cải Bẹ Dún nhiều tại huyện Bình Tân. Nguồn số liệu được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm số liệu sơ cấp từ việc điều tra trực tiếp 80 hộ sản xuất cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới, 6 lãnh đạo nông nghiệp huyện và xã. Mục tiêu chính của nghiên cứu nhằm đánh giá được thực trạng, hiệu quả tài chính và các yếu tố tác động đến lợi nhuận sản xuất cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sản xuất cải Bẹ Dún trên địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã và đang phát triển đúng với định hướng của địa phương, nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Trồng ngoài nhà lưới thì tỷ lệ sâu bệnh cao hơn trồng trong nhà lưới. Về hiệu quả tài chính/1.000m<sup>2</sup> đất trồng cải Bẹ Dún trong nhà lưới so với ngoài nhà lưới có doanh thu gấp 1,6 lần, lợi nhuận gấp 2,7 lần, hiệu quả đồng vốn là 0,70 đồng và 0,33 đồng tương ứng. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã xác định các yếu tố ảnh hưởng lợi nhuận trồng cải Bẹ Dún. Nghiên cứu đã đưa ra giải pháp nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả trồng cải Bẹ Dún huyện Bình Tân trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Cải bẹ dún, chi phí và lợi nhuận, hiệu quả sản xuất, nhà lưới.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.6.2023.1114>

Trích dẫn: Dương, N. T., & Đinh, P. K. (2023). Đánh giá hiệu quả tài chính của mô hình canh tác cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(6), 38-51. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.6.2023.1114>.

# EVALUATING FINANCIAL EFFICIENCY OF CHINESE CABBAGE CULTIVATION MODEL INSIDE AND OUTSIDE THE NET HOUSE IN BINH TAN DISTRICT, VINH LONG PROVINCE

Duong Ngoc Thanh<sup>1\*</sup> and Dinh Phu Khai<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Mekong Delta Development Research Institute, Can Tho University, Vietnam

<sup>2</sup>Postgraduate, Can Tho University, Vietnam

\*Corresponding author: dnthanh@ctu.edu.vn

## Article history

Received: 01/9/2022; Received in revised form: 10/10/2022; Accepted: 21/02/2023

## Abstract

The study was carried out in Tan Quoi town and 3 communes Thanh Loi, Tan Binh and Tan An Thanh from Binh Tan district with Chinese cabbage growing in large areas. Data were from surveying 80 households producing Chinese cabbage inside and outside the net house, 6 agricultural leaders of district and commune. The main research objectives were to evaluate the current status, financial efficiency and factors affecting target profits. Results show that the production of Chinese cabbage in Binh Tan district, Vinh Long province has been developing and oriented towards protecting the health of consumers. The outside-net cabbage has a higher rate of pests and diseases than the inside. In terms of financial efficiency/1,000m<sup>2</sup> of growing land between the inside and the outside, the revenue is 1.6 times higher, the profit is 2.7 times higher, capital efficiency is 0.70 VND and 0.33 VND, respectively. In addition, the study also identified factors affecting profits together with solutions to support and improve the efficiency of Chinese cabbage in Binh Tan district in the coming time.

**Keywords:** Chinese cabbage, cost and profit, net house, production efficiency.

### 1. Đặt vấn đề

Rau màu là một trong những nhóm cây trồng thế mạnh của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhận thấy vấn đề an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp đã và đang được các Bộ, Ban ngành và toàn xã hội quan tâm. Để đáp ứng được nhu cầu thị trường về việc sản xuất rau an toàn theo hướng công nghệ cao, các tỉnh thành trong khu vực đã chú trọng đầu tư và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm để phát triển nông nghiệp nông thôn.

Hiện nay, nhu cầu sử dụng rau an toàn ngày càng cao, nhận thấy điều đó mô hình trồng cải Bẹ Dún trong nhà lưới là một trong những giải pháp trồng rau cải sạch đã được ngành nông nghiệp huyện Bình Tân triển khai trong nhiều năm qua, góp phần thúc đẩy quy trình trồng rau an toàn, rau sạch thay thế phương pháp truyền thống, nhằm tạo ra sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng và hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật xuống đến mức thấp nhất. Từ đó góp phần bảo vệ tài nguyên đất, nước, sức khỏe con người được an toàn dài lâu, đồng thời tạo ra hướng phát triển bền vững cho rau an toàn tại huyện nhà.

Thế mạnh của huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long là rau màu, trong đó cải Bẹ Dún được đánh giá là cây màu được trồng phổ biến tại các xã nằm ven sông Hậu của huyện. Thực trạng hiện nay sản phẩm làm ra

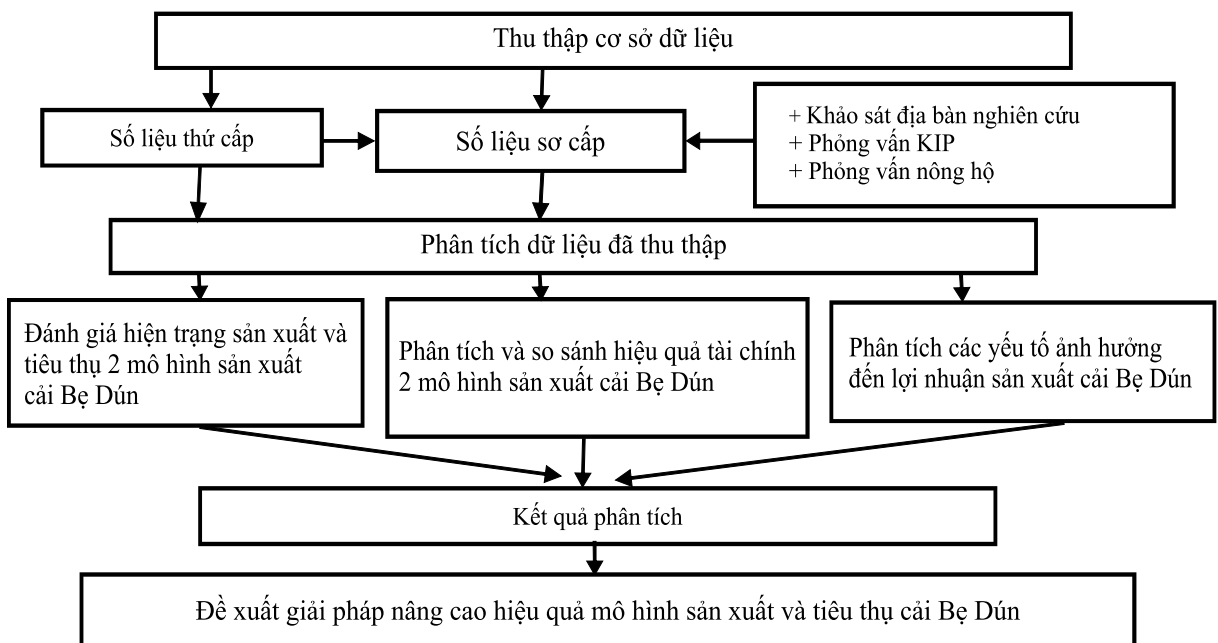
sức cạnh tranh về chất lượng, giá cả còn hạn chế, sản phẩm tạo ra tuy đạt về số lượng nhưng về chất lượng chưa đảm bảo. Người sản xuất cải Bẹ Dún dựa vào kinh nghiệm là chính còn sử dụng nhiều phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nên việc tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong sản phẩm, giá cả không ổn định phụ thuộc rất nhiều vào thương lái. Sản xuất còn nhỏ lẻ, khâu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP còn quá ít...

Do đó, để nâng cao thu nhập và ổn định từ cải Bẹ Dún, nông dân cần được thay đổi tập quán canh tác theo kiểu truyền thống chuyển sang ứng dụng các mô hình sản xuất tiên tiến như: sản xuất theo hướng an toàn, VietGAP, canh tác trong nhà lưới,... Từ đó có thể liên kết với các công ty, doanh nghiệp trong việc cung cấp vật tư đầu vào và thu mua sản phẩm đầu ra. Nghiên cứu này là rất cần thiết nhằm đánh giá hiệu quả của mô hình canh tác cải Bẹ Dún trên địa bàn huyện Bình Tân, từ đó đề xuất, định hướng phát triển sản xuất cải Bẹ Dún trong thời gian tới.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Khung tiến trình nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu thực hiện theo khung tiến trình nghiên cứu (Hình 1) nhằm giải quyết các vấn đề và đáp ứng mục tiêu nghiên cứu của nghiên cứu.



Hình 1. Khung tiến trình nghiên cứu

**2.2. Phương pháp chọn vùng, chọn mẫu, số liệu thu thập**

Hiện nay, diện tích canh tác rau màu trong nhà lưới tại huyện Bình Tân không ngừng được mở rộng cả về quy mô lẫn chủng loại cây trồng, số hộ có canh tác rau màu tập trung tại thị trấn Tân Quới và 3 xã Thanh Lợi, Tân Bình và Tân An Thạnh. Do đó, trong nghiên cứu đã chọn các địa bàn này để điều tra khảo sát. Số mẫu điều tra phỏng vấn được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng (chọn ngẫu nhiên từ danh sách hộ đang canh tác 2 mô hình trồng cải Bẹ Dún trên địa bàn nghiên cứu), với số mẫu khảo sát là 40 hộ canh tác cải Bẹ Dún trong nhà lưới và 40 hộ canh tác cải Bẹ Dún ngoài nhà lưới (không nhà lưới) trên địa bàn các xã nêu trên.

Số liệu thu thập bao gồm số liệu sơ cấp được thu thập từ việc phỏng vấn KIP (Key Informant Panel) từ cán bộ, lãnh đạo địa phương, phỏng vấn trực tiếp hộ dân trồng cải Bẹ Dún tại 4 xã/thị trấn của huyện Bình Tân bằng bảng câu hỏi cấu trúc liên quan đến sản xuất, tiêu thụ,... của 2 mô hình canh tác.

**2.3. Phương pháp phân tích số liệu**

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích:

(1) Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng nhằm đánh giá các nguồn lực nông hộ, hiện trạng sản xuất cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới (không nhà lưới).

(2) Phương pháp phân tích chi phí-lợi nhuận giúp đánh giá hiệu quả lợi nhuận sản xuất cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới.

(3) Kiểm định t độc lập (*Independent sample t test*) nhằm so sánh các chỉ tiêu đánh giá 2 mô hình sản xuất trong và ngoài nhà lưới. Sử dụng phương

pháp kiểm định trung bình mẫu độc lập với ý nghĩa  $\alpha$  từ 5% - 10%.

(4) Phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến nhằm phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới. Các biến được lựa chọn sử dụng trong phân tích hồi quy tuyến tính đa biến.

Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \dots + \beta_9 X_{9i} + \epsilon_i$$

Trong đó:

$Y_i$ : lợi nhuận từ canh tác cải bẹ dún của hộ (triệu đồng/ha)

$\beta_0$ : Hằng số

$\beta_1 \dots \beta_9$ : Hệ số hồi quy của các biến độc lập trong mô hình.

$X_1 \dots X_9$ : Các biến độc lập trong mô hình hồi quy.

Từ kết quả phân tích về hiệu quả sản xuất (lợi nhuận) của các tác giả đã nghiên cứu/ thực hiện vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian qua. Kết quả có nhiều biến tác động đến lợi nhuận sản xuất cây trồng. Tuy nhiên, để có cơ sở chọn biến phân tích, trong nghiên cứu này đã chọn các biến: tuổi người sản xuất, trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất, số người tham gia sản xuất và các chi phí đầu tư sản xuất (Bảng 1).

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra là khi trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất và số lao động nhà tham gia sản xuất tăng lên, người sản xuất có cơ hội tiếp thu và cải tiến kỹ thuật, đầu tư cho canh tác, từ đó thúc đẩy năng suất/sản lượng tăng kết hợp giá bán sẽ đạt lợi nhuận cao. Trong khi đó các chi phí đầu tư sản xuất và tuổi người sản xuất tăng sẽ làm lợi nhuận giảm.

**Bảng 1. Các biến trong mô hình hồi quy tuyến tính đa biến**

Các biến số	ĐVT	Ký hiệu	Ý nghĩa	Kỳ vọng
Tuổi người sản xuất	năm	$X_1$	Tuổi người trực tiếp sản xuất	-
Trình độ học vấn người sản xuất	số năm đi học	$X_2$	Lớp 1=1; Lớp 2=2; .... Lớp 12=12; CĐ = 15, ĐH=16, SĐH = 18	+
Kinh nghiệm trồng cải Bẹ Dún	năm	$X_3$	Thời gian trồng cải Bẹ Dún của người sản xuất tính theo năm	+
Số người tham gia sản xuất	người	$X_4$	Số người tham gia trực tiếp sản xuất cải Bẹ Dún	+

Chi phí làm đất	1.000 đồng	X <sub>5</sub>	Chi phí làm đất (xới, vung líp,...)	-
Chi phí lao động	1.000 đồng	X <sub>6</sub>	Chi phí (làm cò, bón phân, xịt thuốc, thu hoạch...)	-
Chi phí vật tư nông nghiệp	1.000 đồng	X <sub>7</sub>	Chi phí phân, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu	-
Chi phí nhà lưới	1.000 đồng	X <sub>8</sub>	Chi phí khấu hao xây dựng nhà lưới	-
Mô hình canh tác		X <sub>9</sub>	Biến dummy (0= mô hình ngoài nhà lưới; 1 = mô hình trong nhà lưới)	+

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Hiện trạng sản xuất cải Bẹ Dún huyện Bình Tân

##### 3.1.1. Đặc điểm nông hộ

*Độ tuổi chủ hộ:* Độ tuổi chủ hộ canh tác trong nhà lưới có độ tuổi trung bình là 42 tuổi, trong đó chủ hộ nhỏ hơn 45 tuổi chiếm đến 45%, từ 46-55 tuổi là 37,5% và trên 55 tuổi là 17,5%. Ngược lại, chủ hộ canh tác ngoài nhà lưới có tuổi trung bình là 52 tuổi, trong đó nhỏ hơn 45 tuổi chiếm 27,5%, từ 46-55 tuổi

là 47,5% và trên 55 tuổi là 25%. Điều đó cho thấy, nông hộ lớn tuổi có xu hướng lựa chọn canh tác ngoài nhà lưới để canh tác rau màu nói chung và cây cải Bẹ Dún nói riêng so với hộ canh tác theo phương pháp canh tác trong nhà lưới. Nông hộ canh tác trong nhà lưới cho rằng: khi trồng rau màu sẽ tiết kiệm được công phun xịt thuốc (Đặc biệt là nhóm thuốc trừ sâu), công tưới nước, thu hoạch... Vì những thuận lợi đó, họ lựa chọn mô hình canh tác trong nhà lưới để phù hợp với điều kiện sức khỏe của họ.

**Bảng 2. Đặc điểm nguồn lực của nông hộ**

STT	Chỉ tiêu	Trong nhà lưới (n=40)		Ngoài nhà lưới (n=40)	
		Tần số	Tỷ trọng (%)	Tần số	Tỷ trọng (%)
1	<b>Độ tuổi</b>				
	≤ 35 tuổi	4	10,0	1	2,5
	36-45 tuổi	10	25,0	18	45,0
	46-55 tuổi	21	52,5	14	35,0
	>55 tuổi	5	12,5	7	17,5
2	<b>Trình độ học vấn</b>				
	Cấp 1	11	27,5	16	40,0
	Cấp 2	25	62,5	22	55,0
	Cấp 3	4	10,0	2	5,0
3	<b>Kinh nghiệm sản xuất</b>				
	≤ 5 năm	21	52,5	16	40,0
	6-10 năm	15	37,5	16	40,0
	> 10 năm	4	10,0	8	20,0

Nguồn: Số liệu điều tra 80 hộ trồng cải Bẹ Dún năm 2021.

*Trình độ học vấn chủ hộ:* Trình độ học vấn của nông hộ thể hiện khả năng cập nhật kiến thức, khả năng xử lý tình huống bất lợi trong quá trình sản xuất. Kết quả điều tra cho thấy chủ hộ trồng trong nhà lưới học đến cấp 1 chiếm 27,5% và cấp 2 chiếm đến 62,5%. Tỷ lệ này đối với nông hộ ngoài nhà lưới lần lượt là 40% và 55%. Điều này cho thấy, trình độ học vấn ở cả hai nhóm hộ đều khá thấp. Mặc dù, việc trồng cải Bẹ Dún tương đối đơn giản do thời gian canh tác ngắn, nên không đòi hỏi trình độ học vấn cao. Tuy nhiên, việc những hộ sản xuất có trình độ học vấn thấp sẽ khiến họ gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận với công nghệ mới, khả năng thích nghi khi điều kiện sản xuất hay thị trường thay đổi.

*Kinh nghiệm sản xuất:* Kết quả khảo sát thực tế cho thấy hộ canh tác theo kỹ thuật canh tác trong nhà lưới có kinh nghiệm trung bình là 5 năm (vì kỹ thuật này mới được phổ biến tại địa phương gần đây). Trong khi kinh nghiệm hộ canh tác ngoài nhà lưới có kinh nghiệm trung bình là 15 năm. Kết hợp với trình độ học vấn, hộ canh tác trong nhà lưới nhằm hạn chế tối đa rủi ro do áp lực sâu bệnh hại và điều kiện thời tiết thay đổi. Trong khi hộ canh tác ngoài nhà lưới có nhiều kinh nghiệm hơn nên họ tự tin với quyết định của mình. Mặt khác, do chi phí đầu tư ban đầu của nhà lưới khá cao nên cũng có khả năng họ chưa thể xây dựng được nhà lưới.

### 3.1.2. Thực trạng sản xuất cải Bẹ Dún

*Diện tích canh tác:* Cả 2 nhóm nông hộ đều có diện tích canh tác cải Bẹ Dún khá nhỏ lẻ, trung bình 0,20 ha và 0,19 ha trong và ngoài nhà lưới tương ứng. Diện tích canh tác quyết định đến hiệu quả sản xuất, chi phí khi đầu tư, ứng dụng khoa học, cơ giới hóa trong sản xuất. Qua khảo sát cho thấy tỷ lệ các nông hộ muốn mở rộng diện tích canh tác cải Bẹ Dún khá cao, chiếm 45,0% tổng số hộ canh tác trong nhà lưới. Ngược lại, canh tác ngoài nhà lưới khiến nông hộ còn khá lo ngại về việc mở rộng diện tích đất sản xuất (chỉ chiếm 17,5%). Mặt khác, khi thay đổi một thói quen canh tác theo nhiều nông hộ là khá khó khăn do họ phải chuẩn bị nhiều cơ sở vật chất, chi phí đầu tư ban đầu (nhà lưới, hệ thống tưới...)... trong khi nguồn vốn còn nhiều hạn chế. Đó là khó khăn lớn nhất của việc chuyển đổi từ hệ thống canh tác thông thường sang hệ thống canh tác trong nhà lưới.

*Tham gia tập huấn:* Tập huấn kỹ thuật nhằm giúp cho nông dân tiếp cận với những tiến bộ khoa

học kỹ thuật, hiểu biết nhiều hơn những vấn đề liên quan đến quá trình sản xuất (sử dụng phân thuốc, phòng trừ dịch hại,...) nhằm đạt năng suất và đem lại lợi nhuận cao với chi phí thấp nhất có thể. Kết quả phỏng vấn 80 nông hộ cho thấy, số nông hộ không/chưa tham gia các lớp tập huấn trong và ngoài nhà lưới lần lượt chiếm tỷ lệ 12,5% và 60% tương ứng. Tỷ lệ này là khá cao, điều đó cho thấy việc tham gia tập huấn nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức phục vụ cho việc sản xuất rau màu của nông dân còn hạn chế.

*Loại giống sử dụng:* Kết quả khảo sát nông hộ canh tác cải Bẹ Dún tại huyện Bình Tân cho thấy, nông hộ đa phần sử dụng giống của Trang Nông chiếm 72,5% và 37,5%, giống Sen Vàng và giống khác là 27,5% và 62,5% tương ứng hộ trồng trong và ngoài nhà lưới. Những hộ canh tác trong nhà lưới (95%) có xu hướng lựa chọn mua giống từ công ty sản xuất giống thông qua các cửa hàng vật tư nông nghiệp (giống có bao bì, nhãn mác cụ thể,...). Đối với các hộ canh tác ngoài nhà lưới, tỷ lệ sử dụng giống đạt tiêu chuẩn chất lượng còn khá thấp chỉ có 19 hộ chiếm 47,5%. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân có thể ảnh hưởng đến năng suất cải Bẹ Dún của 2 nhóm nông hộ khi thu hoạch.

*Kỹ thuật xử lý hạt giống:* Nông dân canh tác trong nhà lưới thường lựa chọn việc tự ươm hạt giống ngay trong nhà lưới. Tỷ lệ này chiếm đến 82,5%, đây là những hộ có kinh nghiệm trong xử lý hạt giống, riêng những hộ chưa có nhiều kinh nghiệm, họ thuê mướn lao động có tay nghề để ươm ngay tại nhà lưới của họ. Điều này, dù có phát sinh một ít chi phí nhưng chất lượng giống trước khi đem trồng luôn được đảm bảo. Ngược lại, nông hộ canh tác ngoài nhà lưới lựa chọn việc đặt mua giống của những nông dân bên ngoài là chủ yếu để đem trồng, tỷ lệ này khá cao chiếm đến 85% tổng số hộ. Do vậy, chất lượng cây giống sẽ không được đảm bảo do quá trình vận chuyển, tác động yếu tố thời tiết... Từ đó, dẫn đến lượng giống trồng của nông hộ canh tác ngoài nhà lưới thường cao hơn so với nông hộ canh tác trong nhà lưới.

*Lý do mua vật tư tại các cửa hàng vật tư nông nghiệp:* Kết quả phỏng vấn hộ canh tác cải Bẹ Dún cho thấy lý do mua tại cửa hàng vật tư nông nghiệp chủ yếu vì nơi bán có uy tín, được vận chuyển vật tư tới tận nơi, được mua chịu và gói đầu, cửa hàng có đủ loại vật tư nông nghiệp khi cần mua. Nhìn



chung, nông hộ trồng cải Bẹ Dún dễ dàng tiếp cận được nơi cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Cụ thể, việc mua vật tư nông nghiệp tại các cửa hàng trong xã của các hộ canh tác trong và ngoài nhà lưới lần lượt chiếm 70,0% và 95,0% số hộ canh tác cải Bẹ Dún.

*Học tập kinh nghiệm trồng cải Bẹ Dún:* Kinh nghiệm trong canh tác là một yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất trong nông nghiệp. Kết quả trong 80 hộ điều tra thì kinh nghiệm trồng cải Bẹ Dún của người dân huyện Bình Tân chủ yếu học tập kinh nghiệm từ nông dân khác cũng như từ kinh nghiệm của gia đình truyền lại chiếm tỷ lệ rất cao 97,5%, 85% hộ trồng trong nhà lưới và tỷ lệ 82,5%, 70% đối với hộ trồng ngoài nhà lưới tương ứng.

*Tình hình sâu bệnh hại trên cây cải Bẹ Dún:* Sâu bệnh hại có vai trò quyết định đến năng suất cây trồng nói chung và cải Bẹ Dún nói riêng. Quản lý sâu bệnh hại tốt góp phần bảo vệ năng suất và chất lượng cải Bẹ Dún từ đó tạo nên ưu thế cạnh tranh về giá so với các sản phẩm cùng loại bên ngoài.

Kết quả khảo sát các hộ canh tác cải Bẹ Dún cho thấy 100% hộ ngoài nhà lưới đều bị bọ nhảy và sâu tơ, 8,3% bị bệnh thối nhũn và 87,5% bị bệnh cháy lá. Trong khi đó hộ canh tác trong nhà lưới không bị sâu tơ, chỉ 2,5% bị bọ nhảy, 5% bị bệnh thối nhũn và 52,2% bệnh cháy lá. Kết quả này đã nói lên trồng trong nhà lưới mức độ dịch bệnh thấp hơn rất nhiều so với canh tác ngoài nhà lưới. Sâu tơ và bọ nhảy xuất hiện gần như ở tất cả các giai đoạn canh tác cải Bẹ Dún. Về bệnh hại cải Bẹ Dún thường xuất hiện ở giai đoạn gần thu hoạch 93% và 80% đối với bệnh thối nhũn và cháy lá tương ứng.

### 3.2. Hiệu quả tài chính của hai mô hình canh tác cải Bẹ Dún

Kết quả Bảng 3 cho thấy diện tích gieo trồng của 2 mô hình canh tác trong và ngoài nhà lưới trung bình/hộ là 0,19 ha và 0,20 ha tương ứng, không khác biệt ý nghĩa thống kê. Kết quả năng suất trong trong nhà lưới là 2,05 tấn/1.000m<sup>2</sup> và ngoài nhà lưới là 1,51 tấn/1.000m<sup>2</sup> (gấp 1,4 lần), khác biệt qua kiểm định thống kê ở mức độ 1<sup>0</sup>/<sub>00</sub>. Điều này cho thấy canh tác trong nhà lưới đã kiểm soát được dịch bệnh, ảnh hưởng thay đổi thời tiết bất thường giúp cho năng suất cao hơn. Kết quả khảo sát cho thấy giá bán giữa canh tác trong và ngoài nhà lưới là 7.215 đồng/kg và 6.637 đồng/kg, rất khác biệt qua kiểm định thống kê (chênh lệch 578 đồng).

Chi phí sản xuất là toàn bộ chi phí mà nông hộ bỏ ra để đầu tư trong suốt quá trình sản xuất từ khâu làm đất đến thu hoạch. Chi phí sản xuất là một trong những yếu tố quyết định đến lợi nhuận trong sản xuất của nông hộ, thông qua đó nhằm đánh giá được hiệu quả tài chính của một mô hình canh tác. Việc sử dụng chi phí một cách hợp lý và có hiệu quả sẽ góp phần nâng cao lợi nhuận của nông hộ.

*Chi phí làm đất:* chi phí này chiếm tỷ trọng đứng thứ 2 trong tổng chi phí sản xuất ở cả 2 mô hình. Cụ thể, trong mô hình nhà lưới chiếm tỷ trọng 16,26% tương ứng với 1,59 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup> và 1,58 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup> chiếm 19,87% tổng chi phí đối với mô hình ngoài nhà lưới. Không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê (Sig( $\alpha$ ) = 0,778). Điều đó chứng tỏ, tất cả nông hộ khi canh tác cải Bẹ Dún đều chú ý, quan tâm đến khâu làm đất, xử lý đất bất kể trong nhà lưới hay canh tác ngoài nhà lưới.

**Bảng 3. Hiệu quả tài chính theo mô hình canh tác trong và ngoài nhà lưới**

DVT: Triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>

Khoản mục	Trong nhà lưới	%	Ngoài nhà lưới	%	Giá trị t	Mức ý nghĩa (Sig. $\alpha$ )
Diện tích trồng (ha)	0,19		0,20		-0,81	0,422
Năng suất (tấn/1.000m <sup>2</sup> )	2,05		1,51		9,63	0,000
Giá bán (đồng/kg)	7.215		6.637		8,34	0,000
Chi phí làm đất	1,59	16,26	1,58	19,87	0,28	0,778
Chi phí giống	1,17	11,96	1,29	16,23	-5,10	0,000
Chi phí trồng	0,41	4,19	0,46	5,79	-8,04	0,000

Chi phí phân	0,37	3,78	0,35	4,40	0,60	0,551
Chi phí thuốc bảo vệ thực vật	0,88	9,00	2,64	33,21	-21,20	0,000
Chi phí thu hoạch	1,54	15,75	1,28	16,10	8,21	0,000
Chi phí nhà lưới	3,61	36,91	0,00		31,43	0,000
Chi phí khác	0,20	2,04	0,35	4,40	-7,57	0,000
Tổng thu	16,33		10,36		13,04	0,000
Tổng chi	9,78		7,95		11,83	0,000
Lợi nhuận	6,55		2,41		9,39	0,000
Hiệu quả đồng vốn	0,70		0,30		7,79	0,000

Nguồn: Số liệu điều tra 80 hộ trồng cải Bẹ Dún năm 2021.

*Chi phí giống:* Chi phí bỏ ra mua và ươm hạt giống cải Bẹ Dún để sản xuất. Chi phí giống trung bình cho 1.000m<sup>2</sup> đất sản xuất cải Bẹ Dún của nông hộ trong và ngoài nhà lưới lần lượt là 1,17 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 11,96% và 1,29 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 16,23% trong chi phí sản xuất. Khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở mức độ 1%. Nguyên nhân có sự khác biệt là do nông hộ canh tác ngoài nhà lưới thì tỷ lệ hao hụt cây giống do ảnh hưởng từ điều kiện ngoại cảnh, áp lực sâu bệnh hại cao, mật độ trồng dày hơn nên nhóm nông hộ này thường mua số lượng hạt giống cao hơn so với hộ trong nhà lưới để trồng dặm lại những cây bị chết hoặc những cây bị nhiễm bệnh sau một khoảng thời gian trồng nhất định.

*Chi phí trồng:* Được tính dựa vào lượng giống mà nông hộ sử dụng để canh tác trong một mùa vụ cụ thể. Mật độ trồng càng cao thì chi phí trồng càng lớn. Do sử dụng lượng giống nhiều hơn nên mô hình ngoài nhà lưới có chi phí trồng cao hơn và khác biệt so với mô hình trong nhà lưới (0,46 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup> so với 0,41 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>).

*Chi phí phân bón:* Phân bón là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến năng suất trong quá trình sản xuất cây trồng. Nếu cung cấp thiếu lượng phân bón sẽ dẫn đến cây trồng sinh trưởng và phát triển kém, ngược lại dư thừa phân bón, đặc biệt là phân đạm thì nguy cơ nhiễm sâu bệnh hại sẽ càng cao, từ đó dẫn đến nhiều rủi ro về năng suất cây trồng và thiệt hại về kinh tế. Do vậy, việc sử dụng phân bón một cách hợp lý và hiệu quả sẽ góp phần tăng năng suất, từ đó sẽ tăng lợi nhuận cho nông hộ. Chi phí phân bón trung bình trong nhà lưới của nông hộ là 0,37 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup> và ngoài nhà lưới là 0,35

triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>. Sự chênh lệch chi phí này ở 2 mô hình không quá lớn và không có ý nghĩa về mặt thống kê.

*Chi phí thuốc bảo vệ thực vật:* Thuốc bảo vệ thực vật đóng vai trò quan trọng trong canh tác cây trồng góp phần bảo vệ năng suất, nâng cao chất lượng nông sản. Nông hộ canh tác cải Bẹ Dún ngoài nhà lưới do áp lực về sâu và bệnh hại rất lớn nên họ thường phun thuốc định kỳ dẫn đến chi phí này rất lớn (2,64 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup> và đây là chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất (33,21%) trong các chi phí sản xuất. Ngược lại, đối với mô hình trong nhà lưới do sự gây hại của côn trùng không đáng ngại nên nông hộ ở mô hình này chủ yếu tập trung phòng trị nhóm bệnh hại dẫn đến chi phí thuốc bảo vệ thực vật thấp (0,88 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>). Do sâu bệnh hại xuất hiện cùng lúc và kéo dài suốt cả vụ trồng cải Bẹ Dún nên nông hộ canh tác ngoài nhà lưới thường sử dụng nhiều loại thuốc bảo vệ thực vật trong một bình phun đều đó vừa ảnh hưởng đến hiệu quả, hiệu lực của thuốc vừa làm tăng chi phí sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nhóm hộ này.

*Chi phí thu hoạch:* Tùy theo nhu cầu của thương lái, nông hộ sẽ chia nhiều ngày để thu hoạch. Thông thường, nông hộ thu hoạch cải Bẹ Dún trung bình khoảng từ 3 đến 4 ngày cho một vụ trồng. Khi trồng với diện tích lớn hơn 2.000m<sup>2</sup>, thì nông hộ có xu hướng thuê mướn lao động bên ngoài để thực hiện công đoạn này. Kết quả điều tra cho thấy, chi phí thu hoạch mô hình trong nhà lưới cao hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với mô hình ngoài nhà lưới. Cụ thể, nông hộ canh tác trong nhà lưới có chi phí thu hoạch trung bình là 1,54 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup> cao



hơn 0,26 triệu đồng so với mô hình ngoài nhà lưới. Nguyên nhân có sự chênh lệch này là do năng suất bình quân (tấn/1.000m<sup>2</sup>) của hộ trồng cải Bẹ Dún trong nhà lưới đạt cao hơn mô hình canh tác ngoài nhà lưới. Năng suất cao buộc nông hộ phải thuê thêm lao động và ngày công thu hoạch kéo dài hơn dẫn đến chi phí thu hoạch cao hơn.

**Chi phí nhà lưới:** Đây là chi phí đã được khấu hao theo mỗi vụ trồng cải Bẹ Dún của nông hộ. Bao gồm chi phí trụ, khung và chi phí lưới. Tùy theo điều kiện, nguồn lực mà mỗi nông hộ lựa chọn cách xây dựng nhà lưới theo hình thức tạm thời, bán kiên cố hay kiên cố. Trong điều kiện nguồn vốn hạn chế, nông hộ lựa chọn hình thức nhà lưới làm bằng cây Tràm (tạm thời) để sử dụng từ 2-3 năm sau đó sẽ thay mới lại. Tuy nhiên, mô hình nhà lưới bằng vật liệu này sẽ có nguy cơ bị ảnh hưởng khi thời tiết bất lợi như: gió, lốc mạnh. Ngược lại với mô hình kiên cố (sử dụng vật liệu bằng trụ sắt/ bê tông) tuy vốn đầu tư ban đầu khá lớn (trung bình khoảng 100 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>) nhưng nông hộ có thể sử dụng lâu dài từ 5-10 năm. Đây là chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất chiếm 36,91% trong các chi phí mà nông hộ canh tác cải Bẹ Dún trong nhà lưới đầu tư để canh tác. Đây cũng là hạn chế đối với hộ canh tác ngoài nhà lưới, vì thiếu vốn đầu tư ban đầu.

**Tổng thu:** Tổng số tiền thu được từ việc bán cải Bẹ Dún sau khi kết thúc mỗi vụ thu hoạch của nông hộ. Doanh thu phụ thuộc bởi năng suất và giá bán ra thị trường của nông hộ, với mỗi mô hình khác nhau thì năng suất và giá bán cũng khác nhau nên doanh thu giữa các nông hộ trong mỗi mô hình cũng có sự chênh lệch khá lớn. Kết quả nghiên cứu ở Bảng 3, tổng thu trung bình của nông hộ trong và ngoài nhà lưới là 16,33 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup> và 10,36 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng có sự khác biệt rất lớn giữa hộ canh tác trong và ngoài nhà lưới. Nguyên nhân của sự khác biệt này là do năng suất và giá bán của hộ trong nhà lưới cao hơn bên ngoài. Nông hộ trong nhà lưới thu hoạch cải Bẹ Dún có tỷ lệ loại 1 gần như đạt 100%. Trong khi hộ canh tác không có nhà lưới, tỷ lệ này chỉ đạt 70-80%. Còn lại, thương lái thu mua với giá chỉ bằng ½ giá cải Bẹ Dún loại 1. Do đó, có sự khác biệt rất lớn trong doanh thu của hai nhóm hộ.

**Tổng chi:** Kết quả phân tích cho thấy, tổng chi phí nông hộ canh tác cải Bẹ Dún trong nhà lưới trung

bình là 9,78 triệu đồng cao hơn 1,83 triệu đồng so với hộ không canh tác nhà lưới. Khác biệt này chủ yếu đến từ chi phí khấu hao nhà lưới khá lớn.

**Lợi nhuận:** Đây được xem là yếu tố quan trọng nhất trong việc phân tích hiệu quả tài chính mô hình canh tác cải Bẹ Dún của hai nhóm nông hộ. Nghiên cứu cho thấy lợi nhuận bình quân của nông hộ trong nhà lưới cao gấp 2,7 lần so với hộ bên ngoài nhà lưới. Cụ thể, lợi nhuận bình quân của hai nhóm nông hộ lần lượt là 6,55 triệu đồng/vụ và 2,41 triệu đồng/vụ.

Lợi nhuận trồng trong nhà lưới cao hơn trồng ngoài nhà lưới là do sản lượng cao và giá bán cao hơn. Điều này cho thấy canh tác cải Bẹ Dún cho hiệu quả tài chính khá tốt so với các loại rau màu khác. Đặc biệt, lợi nhuận này sẽ càng tăng cao khi canh tác trong điều kiện nhà lưới.

**Hiệu quả đồng vốn:** Hay còn gọi là tỷ suất lợi nhuận trên chi phí đầu tư là thông số phản ánh một đồng chi phí bỏ ra thì người trồng cải Bẹ Dún sẽ thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Kết quả thể hiện ở Bảng 4 cho thấy tỷ suất lợi nhuận trên chi phí của mô hình canh tác trong và ngoài nhà lưới lần lượt là 0,7 đồng và 0,3 đồng.

### 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận canh tác cải Bẹ Dún

Trong canh tác cải Bẹ Dún có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ. Nghiên cứu này ứng dụng phương pháp phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sản xuất cải Bẹ Dún của nông hộ tại địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Kết quả phân tích với giá trị  $F=50,115$  với mức ý nghĩa  $Sig.=0,000$ . Mô hình hồi quy phù hợp và có ý nghĩa nên chấp nhận các yếu tố đưa vào mô hình có ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất cải Bẹ Dún. Kết quả giá trị phóng đại phương sai (VIF) khá nhỏ, nói lên các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Với hệ số xác định  $R^2=0,794$  và  $R^2_{adj}=0,763$ , đã cho thấy 76,3% sự thay đổi lợi nhuận trong mô hình sản xuất cải Bẹ Dún là do các yếu tố độc lập trong mô hình quyết định, còn lại 13,7% sự thay đổi của lợi nhuận là do các yếu tố khác quyết định.

Trong 9 biến đưa vào mô hình hồi quy, có 6 biến tác động dương và 3 biến tác động âm đến lợi nhuận mô hình. Trong đó 5 biến: kinh nghiệm sản xuất, số

người tham gia sản xuất, chi phí vật tư nông nghiệp, chi phí nhà lưới và mô hình canh tác có mức ý nghĩa 1% - 1%. Hai biến trình độ học vấn và chi phí chăm sóc (lao động đầu tư), có mức ý nghĩa 5%.

**Bảng 4. Mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cải Bẹ Dún**

Yếu tố ảnh hưởng lợi nhuận	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa	VIF
(Hằng số)	8,752	2,931	0,004	
Tuổi người sản xuất ( $X_1$ )	-0,764	-1,516	0,164	1,653
Trình độ học vấn người sản xuất ( $X_2$ )	0,465	2,642	0,011	1,184
Kinh nghiệm trồng cải Bẹ Dún ( $X_3$ )	0,482	3,039	0,003	1,665
Số người tham gia sản xuất ( $X_4$ )	0,588	2,691	0,010	1,592
Chi phí làm đất ( $X_5$ )	0,216	1,356	0,225	1,221
Chi phí lao động đầu tư ( $X_6$ )	3,513	2,248	0,024	2,807
Chi phí vật tư nông nghiệp ( $X_7$ )	-2,756	-2,432	0,013	1,178
Chi phí nhà lưới ( $X_8$ )	-0,827	-3,213	0,000	1,738
Mô hình canh tác ( $X_9$ )	4,288	4,725	0,000	2,154

Nguồn: Số liệu điều tra 80 hộ trồng cải Bẹ Dún năm 2021.

Kết quả phân tích Bảng 4 về đặt điểm nông hộ thì các biến trình độ học vấn, kinh nghiệm trồng và số người tham gia sản xuất tác động ý nghĩa đến lợi nhuận. Mức độ tác động đến lợi nhuận là 2,41%; 4,29% và 9,10% tương ứng. Do tác động dương nên khi 3 yếu tố này tăng sẽ tác động đến lợi nhuận tăng thêm.

Trong 4 biến chi phí đầu tư sản xuất có tác động ý nghĩa đến lợi nhuận trong mô hình hồi quy thì các biến có tác động âm bao gồm chi phí vật tư nông nghiệp có mức tác động 12,93% và chi phí nhà lưới có tác động 33,53%, phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây, khi các chi phí này tăng sẽ làm lợi nhuận giảm. Trong khi đó biến chi phí lao động đầu tư chăm sóc tác động đến lợi nhuận là 12,56%, điều này cho thấy khi lao động đầu tư trong chăm sóc tăng sẽ giúp cho năng suất cải Bẹ Dún tăng. Kết quả phân tích biến mô hình canh cải Bẹ Dún có tác động đến lợi nhuận là 25,19%, mô hình canh tác trong nhà lưới có lợi nhuận cao hơn mô hình trồng ngoài nhà lưới là 3,988 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>. Điều này cho thấy nhà lưới đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý dịch hại, hạn chế thời tiết khi biến đổi, giảm chi vật tư nông nghiệp.

### 3.4. Những thuận lợi khó khăn trồng cải Bẹ Dún

#### 3.4.1. Thuận lợi

Kết quả Bảng 5 khảo sát các nông hộ canh tác cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới cho rằng khi canh tác cải Bẹ Dún tại huyện Bình Tân có những thuận lợi nhất định như sau:

*Điều kiện tự nhiên:* Bình Tân được xem là huyện có điều kiện tự nhiên khá thích hợp để sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất rau màu nói riêng, có nước ngọt quanh năm, và trữ lượng nước khá lớn do có địa hình nằm ven sông Hậu. Tuy nhiên, do còn phải đối mặt với nhiều rủi ro do thiên tai, lốc xoáy... nên chỉ có 17,5% hộ canh tác nhà lưới và 42,5% số hộ canh tác ngoài nhà lưới cho rằng điều kiện tự nhiên thuận lợi cho nông hộ canh tác cải Bẹ Dún.

*Giá cả ổn định:* So với các mặt hàng chủ lực của huyện như khoai lang, hành lá... thì giá cải Bẹ Dún khá ổn định dao động trung bình từ 4.000đ/kg - 10.000đ/kg. Cá biệt có thời điểm lên đến gần 15.000đ/kg. Bên cạnh đó các nông hộ trồng trong nhà lưới luôn có giá bán trung bình cao hơn 578 đồng/kg so với các hộ bên ngoài ở cùng thời điểm thương lái thu mua. Cụ thể,

35,0% số hộ canh tác trong nhà lưới và 42,5% số hộ ngoài nhà lưới hài lòng với giá bán cải Bẹ Dún trong thời gian khảo sát. Đây cũng là lý do nông dân lựa chọn cây cải Bẹ Dún trồng luân canh với các loại rau màu khác trong thời gian qua tại địa phương.

*Kỹ thuật canh tác đơn giản:* Cải Bẹ Dún là loại cây thuộc nhóm rau ăn lá và có thời gian thu hoạch ngắn ngày (35- 40 ngày sau khi trồng) với 47,5% hộ

trong nhà lưới và 57,5% hộ ngoài nhà lưới đồng ý với nhận định này. Đặc biệt là những nông hộ còn ít hoặc chưa có kinh nghiệm canh tác. Do đó, nếu canh tác trong nhà lưới sẽ giúp nông hộ dễ dàng hơn trong việc chăm sóc cây trồng do họ chỉ cần quan tâm đến dịch bệnh. Trong nghiên cứu này, các loại sâu hại hầu như không ảnh hưởng đến năng suất cải Bẹ Dún trong mô hình nhà lưới.

**Bảng 5. Những thuận lợi trồng cải Bẹ Dún**

Thuận lợi trồng cải bẹ Dún	Loại hộ			
	Trồng trong nhà lưới (n=40)		Trồng ngoài nhà lưới (n=40)	
	Số hộ	% hộ chọn	Số hộ	% hộ chọn
Điều kiện tự nhiên phù hợp	7	17,5	17	42,5
Giá cả ổn định	14	35,0	17	42,5
Kỹ thuật canh tác đơn giản	19	47,5	23	57,5
Nhẹ công lao động	40	100,0	19	47,5
Dễ mua vật tư sản xuất	40	100,0	40	100,0
Hệ số vòng quay lớn	40	100,0	40	100,0

*Nhẹ công lao động:* Nghiên cứu này cho thấy hộ canh tác cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới nhận định nhẹ công lao động trong canh tác, nông hộ thường có khuynh hướng sử dụng lao động trong gia đình để thực hiện tất cả các khâu trong quá trình canh tác. Nông hộ có thể chỉ thuê thêm lao động trong công việc để vận chuyển đến điểm thương lái thu mua nếu vị trí ruộng tương đối xa địa điểm canh tác. Do không tốn quá nhiều lao động nên canh tác cải Bẹ Dún khá phù hợp với điều kiện của địa phương, và nguồn lực tại chỗ của nông hộ.

*Dễ mua vật tư sản xuất:* Hiện nay toàn huyện Bình Tân có đến gần 100 cơ sở bán vật tư nông nghiệp. Với mật độ trung bình 10 cơ sở/xã, đây là điều kiện khá thuận lợi giúp nông hộ lựa chọn những cửa hàng vật tư nông nghiệp có uy tín, chất lượng để cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... phục vụ cho hoạt động sản xuất cải Bẹ Dún. Mặt khác, các cửa hàng này đều có dịch vụ giao hàng tận nơi, nên nông hộ cũng sẽ thuận tiện hơn. Với số lượng nhiều cơ sở kinh doanh trong cùng một địa phương sẽ giúp cho nông hộ tiếp cận được với giá cả hợp lý nhất.

*Nguồn: Số liệu điều tra 80 hộ trồng cải Bẹ Dún năm 2021.*

*Hệ số vòng quay lớn:* Hệ số vòng quay là số vụ tối đa có thể canh tác một loại cây trồng nào đó trên một diện tích đất trong một năm. Trong nghiên cứu này thì 100% số hộ ở cả hai mô hình đều cho rằng, cải Bẹ Dún là loại cây có hệ số vòng quay cao so với các loại cây trồng khác, trung bình là 6 vụ/năm. Khi trồng trong điều kiện nhà lưới thì hệ số này có thể lên đến 7 vụ/năm. Thực tế sản xuất cho thấy, khi nông hộ trong nhà lưới, họ sẽ dễ dàng bố trí việc xuống giống cải Bẹ Dún vào nhiều thời điểm khác nhau từ đó họ sẽ chủ động được việc thu hoạch dựa vào giá cả thực tế. Chính điều đó, giúp nông hộ hạn chế tối đa những rủi ro về giá cả. Ví dụ: Khi giá lên cao họ có thể thu hoạch cải Bẹ Dún sớm hơn so với dự kiến, hoặc khi giá thấp họ có thể kéo dài thêm từ 1 đến 2 tuần, thông qua việc điều chỉnh chế độ phân bón, kỹ thuật canh tác... Đây được xem là yếu tố thuận lợi quan trọng nhất trong quá trình nông hộ lựa chọn cải Bẹ Dún trong nhà lưới để canh tác trong thời gian qua.

#### 3.4.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, trong quá trình canh

tác cải Bẹ Dún nông hộ cũng gặp phải một số khó khăn nhất định (Bảng 6).

*Thiếu vốn để đầu tư xây dựng và mở rộng diện tích nhà lưới:* Tại thời điểm nghiên cứu, nhìn chung hộ canh tác trong và ngoài nhà lưới chưa được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương về chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn hướng đến nông nghiệp áp dụng công nghệ cao. Nông hộ còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn vay, nguồn vay ưu đãi với lãi suất thấp... Kết quả khảo sát cho thấy có đến 20% hộ canh tác trong và 87,5% hộ canh tác ngoài nhà lưới thiếu vốn đầu tư để xây dựng nhà lưới. Đây là khó khăn lớn tại thời điểm nghiên cứu này được thực hiện.

*Sâu bệnh gây hại:* Dù có thời gian thu hoạch ngắn ngày, tuy nhiên áp lực dịch hại vẫn là một trở ngại đối với các hộ canh tác ngoài nhà lưới. Do việc thâm canh là trong quá nhiều vụ trên cùng một diện tích canh tác là những điều kiện thuận lợi để sâu bệnh phát sinh, phát triển và gây hại, ảnh hưởng đến năng suất ngày càng lớn hơn. Đây là nguyên nhân chính làm giảm năng suất cải Bẹ Dún đạt tiêu chuẩn loại 1 ở nhóm nông hộ này. Nhóm hộ này cho rằng, có đến 72,5% hộ chịu ảnh hưởng của dịch hại tấn công. Đặc

biệt là nhóm sâu hại, trong đó hai đối tượng gây hại chính là bọ nhảy và sâu tơ.

*Hệ thống giao thông, vận chuyển:* Nghiên cứu cho thấy có đến 64 hộ chiếm 80% tổng số hộ trồng cải Bẹ Dún cho rằng việc hạ tầng giao thông chưa hoàn thiện. Nguyên nhân là hệ thống giao thông nông thôn còn hạn chế nên thương lái không thể thu mua tại ruộng của nông hộ trồng cải Bẹ Dún, nông hộ phải thuê lao động để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm xe hai bánh có thể lưu thông được. Công đoạn này làm cho giá thành của sản phẩm tăng lên, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của hộ trồng cải Bẹ Dún.

*Thiếu nguồn giống chất lượng:* Song song đó, việc thiếu các cơ sở ươm/gieo giống chất lượng cũng là khó khăn chung của nông hộ ở cả hai mô hình canh tác trong và ngoài nhà lưới. Sau khi mua hạt giống từ các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông hộ phải thuê lao động có tay nghề để thực hiện công đoạn này. Thực tế tại địa bàn nghiên cứu, nếu muốn thuê mướn lao động nông hộ phải hợp đồng trước ít nhất từ 1-2 tuần mới có thể có lao động. Chính điều đó gây cản trở cho quá trình sản xuất nông nghiệp nói chung và canh tác cải Bẹ Dún nói riêng.

**Bảng 6. Những khó khăn trong cải Bẹ Dún**

Khó khăn trong cải bẹ Dún	Loại hộ			
	Trồng trong nhà lưới (n=40)		Trồng ngoài nhà lưới (n=40)	
	Số hộ	% hộ chọn	Số hộ	% hộ chọn
Thiếu vốn đầu tư để xây dựng và mở rộng nhà lưới	8	20,0	35	87,5
Dịch hại xảy ra nhiều	-	-	29	72,5
Giao thông, vận chuyển còn hạn chế	30	75,0	34	85,0
Thiếu nguồn giống chất lượng	25	62,5	32	80,0
Chưa được tập huấn khoa học kỹ thuật	4	10,0	10	25,0

*Nguồn: Số liệu điều tra 80 hộ trồng cải Bẹ Dún năm 2021.*

*Chưa được tập huấn khoa học kỹ thuật:* Tập huấn khoa học kỹ thuật, phổ biến chuyển giao qui trình canh tác cây trồng trong nhà lưới, đảm bảo năng suất, sản lượng và chất lượng là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Kết quả điều tra 80 hộ canh tác cải Bẹ Dún trên địa bàn nghiên cứu cho thấy có 29 hộ (36,25%) chưa được tập huấn khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Trong đó có 5 hộ (12,5%) canh tác

trong nhà lưới và 24 hộ (60%) canh tác ngoài nhà lưới chưa được tập huấn.

### 3.5. Đề xuất giải pháp

Từ kết quả đánh giá, phân tích những thuận lợi, khó khăn của hộ canh tác cải Bẹ Dún, nhận định của lãnh đạo địa phương về mô hình sản xuất cải Bẹ Dún. Trên cơ sở đó hình thành đề xuất các giải pháp cơ bản:



*Mở rộng mô hình canh tác trong nhà lưới:* 100% số hộ canh tác cải Bẹ Dún trong nhà lưới và 92,5% số hộ ngoài nhà lưới cho rằng cần phải xây dựng nhà lưới để nâng cao hiệu quả tài chính, tăng thu nhập cho nông hộ. Điều đó cho thấy vai trò của nhà lưới là rất quan trọng trong canh tác rau màu hiện nay. Nó giúp cho việc quản lý tốt các đối tượng dịch hại, từ đó nâng cao được năng suất loại 1 và bán được với giá cao hơn so với canh tác ngoài nhà lưới. Mặt khác, xây dựng nhà lưới là điều kiện cần thiết vì nó giúp rút ngắn được thời gian thu hoạch so với bên ngoài. Trong điều kiện biến đổi khí hậu như hiện nay, nhà lưới là giải pháp giúp nông hộ hạn chế tối đa những rủi ro về thiên tai có thể ảnh hưởng đến cây trồng nói chung, cây cải Bẹ Dún nói riêng.

*Nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn:* Giao thông nông thôn đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển hàng hóa đặc biệt là các loại nông sản. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trên 80% số hộ trồng cải Bẹ Dún nhận định: khi điều kiện giao thông thuận lợi sẽ giúp cho việc vận chuyển sản phẩm cải Bẹ Dún được dễ dàng, tiết kiệm được một khoảng chi phí trong quá trình vận chuyển, nâng cao giá trị của sản phẩm cải Bẹ Dún của nông hộ. Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, chính quyền địa phương cần làm tốt công tác xã hội hóa để vận động nhân dân đóng góp vì lợi ích chung của cộng đồng nhằm xây dựng nhiều hơn nữa các tuyến đường giao thông nông thôn giúp nông hộ thuận tiện trong canh tác nông nghiệp.

*Hỗ trợ vốn để xây dựng và mở rộng nhà lưới:* Vốn đóng vai trò quan trọng trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy có đến 90% số hộ canh tác cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới cần được hỗ trợ nguồn vốn với chính sách ưu đãi để xây dựng mới và mở rộng nhà lưới. Do đó, trong thời gian tới cần giúp nông hộ tiếp cận được nguồn vốn vay ưu đãi với lãi suất thấp giúp nông hộ có nguồn lực đầu tư nhà lưới để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng lợi nhuận trên cùng đơn vị diện tích canh tác.

*Công tác giống:* Việc canh tác trong điều kiện nguồn giống đạt tiêu chuẩn chất lượng là tiền đề giúp cây khỏe ngay từ đầu vụ. Trong đó, công đoạn ươm/gieo hạt giống đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn giống tốt. Vì vậy, cần thành lập điểm/tổ hợp tác nhân giống rau màu có uy tín, chất lượng để nông hộ có thể tiếp cận dễ dàng. Song song đó công

tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đặc biệt là tập huấn về công tác giống cần được các ngành chuyên môn quan tâm. Từ đó, giúp nông hộ nâng cao được nhận thức về việc lựa chọn nguồn giống chất lượng để canh tác.

*Thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác:* Mô hình canh tác rau màu trong nhà lưới thật sự mang lại hiệu quả tài chính rất cao. Tuy nhiên, việc sản xuất nhỏ lẻ, manh mún dẫn đến làm giảm giá trị gia tăng của loại cây trồng này. Trong sản xuất nông nghiệp hiện nay, việc thành lập các tổ hợp tác hướng đến xây dựng hợp tác xã là xu hướng tất yếu. Kết quả có đến 70% và 65% nông hộ canh tác cải Bẹ Dún trong và ngoài nhà lưới đề xuất cần thiết hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã. Đây sẽ là điều kiện sản xuất và tiêu thụ một cách có hiệu quả, thuận lợi cho việc quảng bá, xúc tiến thương mại để đa dạng hóa đầu ra, thị trường tiêu thụ cho nông sản. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn hết là tính hiệu quả mang lại cho từng thành viên tham gia, tránh tình trạng tham gia để có “hình thức” như hiện nay.

*Cung cấp thông tin thị trường:* Ngày nay với sự phát triển rất nhanh của khoa học - công nghệ, dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin phục vụ nhu cầu và thị hiếu của con người. Tuy nhiên, nông hộ chưa nắm bắt được nhu cầu về tiêu chuẩn, số lượng, mẫu mã của hàng hóa... Hầu hết, nông hộ không quyết định được giá của nông sản họ làm ra mà phải thông qua thương lái. Do đó, việc hạn chế được các khâu trung gian từ người sản xuất đến người tiêu dùng là rất cần thiết. Vì vậy, việc cung cấp thông tin, diễn biến, nhu cầu của thị trường đến nông hộ giúp nông hộ chủ động trong việc bố trí mùa vụ hợp lý, tránh tình trạng “cung vượt cầu” được xem là một trong những giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất của cây cải Bẹ Dún trong thời gian tới.

#### 4. Kết luận và kiến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích canh tác còn nhỏ lẻ, trình độ học vấn còn khá thấp, kinh nghiệm canh tác trong nhà lưới trung bình 5 năm (do mô hình mới phổ biến). Hộ trẻ tuổi chọn mô hình canh tác trong nhà lưới cao hơn hộ ngoài nhà lưới.

Chi phí sản xuất cải Bẹ Dún trong mô hình nhà lưới cao hơn so với mô hình canh tác ngoài nhà lưới. Tuy nhiên, lợi nhuận mô hình trong nhà lưới đạt cao gấp 2,7 lần so với mô hình ngoài nhà lưới.

Có 5 yếu tố có mối tương quan tỷ lệ thuận với



lợi nhuận của nông hộ trong mô hình canh tác cải Bẹ Dún gồm: trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất, số lao động tham gia sản xuất, chi phí chăm sóc và chi phí lao động đầu tư. Trong khi đó có 2 yếu tố tác động âm đến lợi nhuận canh tác cải Bẹ Dún gồm: chi phí vật tư nông nghiệp và chi phí nhà lưới.

Hệ số quay vòng lớn và giá cả tương đối ổn định là những yếu tố thuận lợi nhất của mô hình trồng cải Bẹ Dún. Trong khi thiếu vốn để xây dựng mở rộng nhà lưới còn hạn chế và hệ thống giao thông nông thôn là hai khó khăn lớn nhất của nông hộ canh tác cải Bẹ Dún tại huyện Bình Tân.

Kết quả nghiên cứu này là nghiên cứu đánh giá cơ bản hiện trạng hai mô hình canh tác cải Bẹ Dún tại huyện Bình Tân. Để có những đánh giá sâu hơn cần:

Mở rộng điều tra khảo sát trên các địa bàn canh tác cải Bẹ Dún của tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh có điều kiện tương tự với huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sản xuất (hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân phối và hiệu quả kinh tế) cải Bẹ Dún và các loại rau màu khác trong điều kiện canh tác trong và ngoài nhà lưới.

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ vốn ưu đãi để nông hộ xây dựng và mở rộng diện tích nhà lưới trong thời gian tới./.

### Tài liệu tham khảo

Chi cục thống kê huyện Bình Tân (2021). *Niên giám thống kê huyện Bình Tân năm 2020*.

Chung, T. T. H. (2015). *Phân tích hiệu kinh tế mô hình sản xuất cam sành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long*. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Phát triển nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.

Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long. (2021). *Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2020*.

Đức, T. (13/8/2019). Trồng rau trong nhà lưới, hiệu quả kinh tế cao. *Báo An Giang online*. Truy cập từ <https://baoangiang.com.vn/trongrautrongnhaluoihieutuakinhtecaoa252102.html>.

Mã, V. H. (2011). *Đánh giá hiệu quả sản xuất lúa theo hướng VietGAP tại huyện Tam Nông, Đồng Tháp*. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Phát triển nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.

Nguyễn, N. N. (2014). *Đánh giá mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Vĩnh Long*. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.

Trần, T. N. A. (2013). *Phân tích hiệu quả sản xuất các loại cây ăn trái chính ở thành phố Cần Thơ*. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Hệ thống nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Trần, T. H. Đ. (2012). *So sánh hiệu quả sản xuất bưởi năm roi theo mô hình sản xuất truyền thống với mô hình GlobalGAP tại Bình Minh - Vĩnh Long*. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ.

Trần, H. N. N. (2009). *Đánh giá hiệu quả sản xuất rau cải thường và rau cải an toàn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang*. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Võ, N. T. (2018). *Đánh giá hiệu quả sản xuất cây khoai lang tím nhật của nông hộ tỉnh Vĩnh Long*. Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Hệ thống Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.

Vũ, A. P., & Nguyễn, T. T. (2016). Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trên lúa. Trong: Nguyễn Văn Sán và Đặng Kiều Nhân (chủ biên). *Phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.